TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 397/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2017
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Văn Năng

2/- Ông Nguyễn Hoàng Tiến

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày **06** tháng **12** năm **2017** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2017/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về "*Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm: 1982 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 12, ấp P, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1978 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp H, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện V/v xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào năm 1999, hôn nhân do cha mẹ định

đoạt, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S không chí thú làm ăn để lo cho gia đình mà thường uống rượu, nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 9/2011 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, hiện chị và anh S đều có gia đình riêng, nên không có khả năng đoàn tụ với nhau.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/10/2000 và Nguyễn Văn L Em, sinh ngày 04/11/2008. Hiện cháu L và cháu L1 đang sống với anh S. Sau khi ly hôn chị đồng ý để cháu L và cháu L1 cho anh S được tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại tờ tự khai ngày 05/9/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ánh T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị T trình bày do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không đồng thuận trong việc làm ăn và giải quyết nội bộ gia đình, nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2011 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, hiện anh và chị T đều có gia đình riêng, nên không có khả năng đoàn tụ với nhau.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/10/2000 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 04/11/2008. Hiện cháu L và cháu L1 đang sống với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau vào năm 1999, hôn nhân do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của anh, chị vi phạm tại điều 9 luật hôn nhân gia đình 2014. Căn cứ vào điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/10/2000 và Nguyễn Văn L Em, sinh ngày 04/11/2008. Hiện cháu L và cháu L1 đang sống với anh S. Tại tờ tự khai cùng ngày 07/11/2017 cháu Nguyễn Văn L và cháu Nguyễn Văn L Em đều có nguyện vọng được sống với cha nghĩ nên để anh S được tiếp tục nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung*:* Anh Nguyễn Văn S được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 05/10/2000 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 04/11/2008. Chị Nguyễn Thị Ánh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho chị T không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000989 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/12/2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký)

Phan Thị Kim Hoa